

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1089/2023/KDTM-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2023
V/v: “tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt
hại do vi phạm nghĩa vụ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hương

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn Văn Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 121/2023/TLPT-KDTM ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2023/KDTM-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của nguyên đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4952/2023/QĐ-PT ngày 01/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S,

Địa chỉ: Số C T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 – Giám đốc. (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH S1;

Địa chỉ: Số C B, khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Quang V, sinh năm 1986 - Chức danh: Giám đốc. (Có mặt).

* **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 6078/QĐ-VKS-KDTM ngày 09/8/2023.

* **Người kháng cáo:** Công ty TNHH S - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2019 quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/11/2018, Công ty TNHH S (viết tắt Công ty S) và Công ty TNHH S1 (viết tắt Công ty S1) có ký hợp đồng kinh tế số: 09VD-2018/HDKT, theo đó Công ty S1 bán cho Công ty S một máy in ống đồng một màu khổ in 800mm với giá 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng). Công ty S đã thanh toán đầy đủ tiền theo hợp đồng cho Công ty S1. Ngày 05/4/2019, hai bên tiến hành bàn giao và nghiệm thu thiết bị để đưa vào sử dụng theo Biên bản bàn giao nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng đề ngày 29/3/2019.

Ngày 30/10/2019, theo biên bản xác nhận hiện trường về việc chập điện gây cháy có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và đại diện Công ty S, xác nhận vụ việc gây cháy do dây điện từ máy in ống đồng một màu khổ in 800mm, vị trí gần thùng sấy gây hư hại một số thiết bị gồm có: một trục lô cao su, một trục in ống đồng và toàn bộ dây điện trong máy in bị cháy.

Ngay sau khi xảy ra chập điện gây cháy dẫn đến hư hỏng máy, Công ty S đã gọi điện cho ông Trần Quang V là người đại diện của Công ty S1 yêu cầu bảo hành theo đúng hợp đồng và biên bản nghiệm thu. Tuy nhiên, phía Công ty S1 vẫn không thực hiện việc bảo hành đúng quy định, phớt lờ yêu cầu bảo hành của Công ty S.

Căn cứ theo hợp đồng kinh tế số 09VD-2018/HDKT ngày 14/11/2018, cụ thể tại Điều 3: Bảo hành và Điều kiện bảo hành thì thời hạn bảo hành: 12 tháng. Trong thời hạn bảo hành những lỗi xảy ra ở toàn bộ máy móc nếu không phải nguyên nhân gây ra từ phía bên mua. Bên bán hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục. Căn cứ theo mục 4 biên bản nghiệm thu đề ngày 29/03/2019 quy định về Bảo trì, bảo hành: Thiết bị được bảo hành 12 tháng như trên hợp đồng; Máy bảo trì theo định kỳ (3 tháng 1 lần). Theo thỏa thuận thì thời hạn bảo hành máy móc theo hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu là 12 tháng và lỗi xảy ra ở máy móc không phải do bên mua thực hiện nên Công ty S đủ điều kiện để được bảo hành. Vì vậy, ngày 04/11/2019, Công ty S đã gửi thông báo tới Công ty S1 yêu cầu trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày 04/11/2019 đến 07/11/2019 phải cử nhân sự xuống để thực hiện việc bảo hành theo đúng quy định để Công ty S có thể hoạt động trở lại.

Tuy nhiên hết thời hạn thông báo, Công ty S1 vẫn không xuống thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Sau đó, Công ty S đã thuê đơn vị uy tín để sửa máy móc bị

hư hỏng và thay thế các bộ phận hư hỏng với chi phí sửa chữa máy móc hư hỏng, mua các bộ phận mới là 30.000.000 đồng.

Công ty S khởi kiện yêu cầu:

- Buộc **Công ty S1** phải trả lại số tiền mà **Công ty S** đã thuê đơn vị thứ 3 thực hiện sửa máy móc và thay thế các bộ phận bị hư hỏng với số tiền là 30.000.000 đồng;

- Bồi thường số tiền lương phải trả cho 06 công nhân trong những ngày không làm việc do máy bị hư hỏng kể từ ngày 30/10/2019 đến 10/11/2019 là 10 ngày, tạm tính là 200.000đồng/ngày, với số tiền 12.000.000 đồng;

- Bồi thường số tiền thu nhập bị mất từ hoạt động kinh doanh do 10 ngày không thể hoạt động từ ngày 30/10/2019 đến 10/11/2019 vì máy bị hư hỏng với số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là: 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

** Tại bản tự khai, tại phiên tòa người đại diện của bị đơn trình bày:*

Sự cố cháy tại **Công ty S** vào ngày 30/10/2019, bên phía **Công ty S** có cử người đại diện thông báo, gửi hình ảnh cùng video cho **Công ty S1**. **Công ty S1** có nhận điện thoại và hẹn vào ngày hôm sau cùng với người đại diện **Công ty S** đến xem. Ngày 31/10/2019, **Công ty S1** gọi cho đại diện **Công ty S** hẹn cùng đến chỗ máy in, khi gần đến nơi thì **Công ty S** làm khó nên **Công ty S1** không đến nữa. Ngày 03/11/2019, **Công ty S1** có nhận được thông báo yêu cầu bảo hành máy. Hai bên có trao đổi việc bảo hành máy này qua điện thoại nhưng không thống nhất được. **Công ty S1** yêu cầu **Công ty S** mời đơn vị thứ ba đến xem xét, thẩm định sự cố cháy để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại của **Công ty S**. Hai bên chỉ trao đổi qua điện thoại, không lập biên bản gì nên không có chứng cứ cung cấp cho tòa. Tuy nhiên, **Công ty S** không tiến hành thẩm định nguyên nhân gây cháy và mức độ thiệt hại mà tự ý mời một Công ty khác sửa chữa máy. Vì vậy, **Công ty S1** không đồng ý với yêu cầu của **Công ty S** về việc bồi thường thiệt hại vì **Công ty S1** chưa xác định được nguyên nhân gây hư hỏng máy nên không thể xác định **Công ty S1** là người gây ra thiệt hại và bồi thường cho **Công ty S**.

Bản án kinh doanh thương mại số 71/2023/KDTM-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 49 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 360 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 98 của Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S.

Buộc Công ty TNHH S1 phải trả tiền sửa chữa, thay thế các bộ phận bị hư hỏng của máy in ống đồng một màu khổ in 800mm; Bồi thường tiền lương phải trả cho công nhân trong những ngày không làm việc do máy bị hư hỏng, với số tiền tổng cộng là 16.002.223 đồng (Mười sáu triệu không trăm lẻ hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH S có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH S1 chậm thanh toán khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí KDTMST:

2.1. Công ty TNHH S1 phải chịu số tiền án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2.2. Công ty TNHH S phải chịu số tiền án phí là 3.799.889 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0064441 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Công ty TNHH S còn phải nộp số tiền án phí là 799.889 đồng (Bảy trăm chín mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/7/2023, Công ty S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 09/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 6078/QĐ-VKS-KDTM đối với Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày án sơ thẩm chưa đánh giá một cách khách quan, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty S.

Bị đơn Công ty S1 trình bày không đồng ý Bản án sơ thẩm nhưng hết thời hạn nên không kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị. Đề nghị cấp phúc thẩm:

+ Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 6078/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/8/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

+ Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2023/KDTM-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08/11/2019 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ”.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đăng ký lần đầu ngày 21/01/2017 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09/9/2019 tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại 3 B, khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2023/KDTM-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, ngày 21/7/2023 nguyên đơn kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Công ty S làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Phạm vi xét xử phúc thẩm: Do có kháng cáo một phần bản án của Tòa cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại một phần nội dung đã giải quyết tại cấp sơ thẩm (không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn).

Về thời hạn kháng nghị: Bản án sơ thẩm xét xử ngày 14/7/2023; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị ngày

09/8/2023, giao cho tòa ngày 10/8/2023. Như vậy, việc kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn trong thời hạn theo qui định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc Công ty S1 phải trả lại số tiền mà Công ty S đã thuê đơn vị thứ 3 thực hiện sửa máy móc và thay thế các bộ phận bị hư hỏng với số tiền là 30.000.000 đồng:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 09VD-2018/HDKT ký ngày 14/11/2018 giữa Công ty S1 và Công ty S, theo đó Công ty S1 bán cho Công ty S một máy in ống đồng một màu khổ in 800 mm với giá 105.000.000 đồng. Công ty S đã thanh toán đầy đủ cho Công ty S1. Ngày 05/4/2019, hai bên thống nhất bàn giao và nghiệm thu thiết bị để đưa vào sử dụng theo Biên bản bàn giao nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng đề ngày 29/3/2019.

Ngày 30/10/2019 xảy ra sự cố cháy, theo biên bản xác nhận hiện trường về việc chập điện gây cháy (cùng ngày) có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và đại diện Công ty S, xác nhận vụ việc gây cháy do dây điện từ máy in ống đồng một màu khổ in 800mm, vị trí gần thùng sấy gây hư hại một số thiết bị.

Ngay sau khi xảy ra chập điện gây cháy dẫn đến hư hỏng máy, Công ty S đã gọi điện cho ông Trần Quang V là người đại diện của Công ty S1 yêu cầu bảo hành theo đúng hợp đồng và biên bản nghiệm thu. Tuy nhiên, Công ty S1 không thực hiện việc bảo hành đúng quy định.

Tại Điều 3 của Hợp đồng kinh tế 09VD-2018/HDKT có thỏa thuận: “Thời hạn bảo hành: 12 tháng. Trong thời hạn bảo hành những lỗi xảy ra ở toàn bộ máy móc nếu không phải nguyên nhân gây ra từ phía Bên mua, Bên bán hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục”.

Ngày 03/11/2019, Công ty S đã gửi thông báo yêu cầu bảo hành tới Công ty S1 yêu cầu trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày 04/11/2019 đến 07/11/2019 phải cử nhân sự xuống để thực hiện việc bảo hành theo đúng quy định để Công ty S có thể hoạt động trở lại. Hết thời hạn thông báo, Công ty S1 không thực hiện nghĩa vụ bảo hành, vì vậy Công ty S thuê 01 đơn vị khác thực hiện sửa chữa.

Xét Hợp đồng sửa chữa máy móc số CTQ01/HĐSCM ngày 15/11/2019 với Công ty TNHH T Sửa chữa máy công nghiệp nhựa TNN nội dung cần sửa chữa: “đi lại toàn bộ dây điện bị cháy cho máy in ống đồng...” và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000036 ngày 29/11/2019 với số tiền 15.425.300 đồng là thể hiện cho việc sửa chữa máy in ống đồng một màu khổ in 800 mm. Ngoài hợp đồng sửa chữa, Công ty S cho rằng do máy cháy nên phải thay 01 số linh kiện theo máy và nộp các hóa đơn giá trị gia tăng số 0010299 ngày 16/9/2019 của Công ty C số tiền 3.080.000 đồng, thanh toán tiền Bọc cao su trục ép in ống đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000595 ngày 26/8/2019 của Công ty TNHH V2 với số tiền 5.390.000 đồng, thanh toán trục nền khổ in 785 (280 lỗ/Inch, sâu

40Microns). Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006996 ngày 08/11/2019 của Văn phòng Thừa Phát Lại Quận B với số tiền 6.000.000 đồng, thanh toán chi phí lập vi bằng số 2088/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0093051 ngày 08/11/2019 của HKD Cơ Sở Trang Thiết Bị PCCC Anh Đào Huỳnh Minh V1 số tiền 4.480.000 đồng, thanh toán tiền nạp sạc bột chữa cháy thay dây bình F18 bình bột MT35;

Hội đồng xét xử xét thấy sự cố cháy xảy ra theo trình tự thì Công ty S và Công ty S1 phải thống nhất chọn đơn vị kiểm định để xác định nguyên nhân cháy và mức độ hư hỏng cần khắc phục. Do Công ty S1 không hợp tác thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng, Công ty S nóng vội tự tìm đơn vị sửa chữa, thực tế các hóa đơn Công ty S cung cấp thì chỉ có hóa đơn giá trị gia tăng số 0000036 ngày 29/11/2019 với số tiền 15.425.300 đồng là thể hiện cho việc sửa chữa nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu của Công ty S số tiền 15.425.300 đồng là có căn cứ. Các hóa đơn thanh toán tiền Bọc cao su trục ép in ống đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000595 ngày 26/8/2019, hóa đơn thanh toán trục nền khổ in 785 (280 lỗ/Inch, sâu 40Microns) xảy ra trước sự cố cháy và các hóa đơn còn lại không nhằm mục đích cho việc sửa chữa máy in ống đồng một màu khổ in 800mm nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận (14.574.700 đồng) các hóa đơn này là có cơ sở. Công ty S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi số tiền sửa chữa là 30.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường số tiền lương phải trả cho 06 công nhân trong những ngày không làm việc do máy bị hư hỏng kể từ ngày 30/10/2019 đến 10/11/2019 là 10 ngày, tạm tính là 200.000 đồng/ngày/người, với số tiền 12.000.000 đồng:

Căn cứ các Hợp đồng lao động giữa người lao động và Công ty S thì công việc phải làm của: Ông Võ Phi H, ông Trương Thành A là nhân viên phát triển thị trường, bán hàng, ông Nguyễn Hiền N: tài xế, bà Nguyễn Thị Mỹ Ý là nhân viên đóng gói bao bì, ông Bùi Hiền P1 và ông Nguyễn Văn H1 là các nhân viên vận hành máy sản xuất.

Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của ông Trương Thành A tại Biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 04/7/2023 và xác nhận của đại diện Công ty S thì ông là công nhân vận hành máy in, tại thời điểm xảy ra sự cố chập điện gây cháy máy in vào ngày 30/10/2019, ông là người trực tiếp vận hành máy, là người duy nhất vận hành máy in ống đồng một màu (khổ in 800mm) từ khi máy được đưa vào sử dụng, ngoài ông A thì không ai vận hành máy này.

Theo Hợp đồng lao động thì ông A có mức lương 3.000.000 đồng/tháng, căn cứ mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông A tại thời điểm xảy ra sự cố máy in ống đồng thì ông A có mức lương 5.000.000 đồng/tháng. Do ông Trương Thành A là người bị ảnh hưởng trực tiếp từ việc vận hành máy, trong thời gian máy bị hư, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đối với yêu cầu của Công ty S là phù hợp.

Những người còn lại gồm (ông **Võ Phi H**, ông **Nguyễn Hiền N**, bà **Nguyễn Thị Mỹ Ý**, ông **Bùi Hiền P1** và ông **Nguyễn Văn H1**) được phân công và thực hiện công việc khác không liên quan đến hoạt động của máy in ồng đồng một màu, nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận về việc buộc **Công ty S1** phải bồi thường tiền lương cho những nhân viên nêu này.

Do đó, **Công ty S** kháng cáo cho rằng phải bồi thường cho tất cả 06 công nhân là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường số tiền thu nhập bị mất từ hoạt động kinh doanh do 10 ngày không thể hoạt động từ ngày 30/10/2019 đến 10/11/2019 vì máy bị hư hỏng với số tiền 50.000.000 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy **Công ty S** cho rằng do **Công ty S1** vi phạm nghĩa vụ bảo hành khi máy móc bị hư hỏng đã gây thiệt hại cho **Công ty S** do thu nhập bị mất từ hoạt động kinh doanh với số tiền 50.000.000 đồng, nguyên đơn tự tính thiệt hại bằng cách tính trung bình cộng doanh số bán hàng của **Q 4** năm 2018 và 03 Quý năm 2019 là 50.000.000 đồng trong 10 ngày. Tại tòa phúc thẩm nguyên đơn xác nhận ngoài máy bị hư nguyên đơn cũng còn hoạt động các máy khác nhưng tính bình quân như trên để xác định thiệt hại, yêu cầu bị đơn bồi thường là chưa có cơ sở. **Công ty S** cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho thiệt hại 50.000.000 đồng vì vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp. Xét kháng cáo này của **Công ty S** là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Xét phần Nhận định trong Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2023/KDTM-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân có nhận định toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và xác định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, trong phần Quyết định của Bản án cấp sơ thẩm chỉ tuyên “Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty S**...” mà không tuyên án đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là chưa thực hiện quyết định từng vấn đề đã giải quyết trong vụ án theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố dân sự năm 2015. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với quy định nên chấp nhận kháng nghị.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm tại phần quyết định. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của **Công ty S** không được chấp nhận nên **Công ty S** phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH S.

2. Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 6078/QĐ-VKS-KDTM ngày 09/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2023/KDTM-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S.

Buộc Công ty TNHH S1 phải trả tiền sửa chữa máy in ống đồng một màu khổ in 800mm là 15.425.300 đồng; Bồi thường tiền lương phải trả cho công nhân trong những ngày không làm việc do máy bị hư hỏng là 576.923 đồng, tổng cộng là 16.002.223 đồng (Mười sáu triệu không trăm lẻ hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH S có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH S1 chậm thanh toán khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S về buộc Công ty TNHH S1 phải trả tiền sửa chữa, thay thế các bộ phận bị hư hỏng của máy in ống đồng một màu, khổ in 800mm là 14.574.700 đồng; Bồi thường số tiền lương phải trả cho 06 công nhân trong những ngày không làm việc do máy bị hư hỏng kể từ ngày 30/10/2019 đến 10/11/2019 là 11.423.077 đồng; Bồi thường thu nhập bị mất từ hoạt động kinh doanh, từ ngày 30/10/2019 đến 10/11/2019 với số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền không được chấp nhận là 75.997.777 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH S1 phải chịu số tiền án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Công ty TNHH S phải chịu số tiền án phí là 3.799.889 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0064441 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Công ty TNHH S còn phải nộp số tiền án phí là 799.889 đồng (Bảy trăm chín mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín đồng).

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0026043 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- TAND quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo